CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng CTCP May Việt Tiến

Ngày 30/09/2025	43,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.3%	**-7.4%**	**-1.6%**

DT thuần
Q3/25
2,722
tỷ VNĐ
QoQ: ▼196| -6.7%
YoY: ▲ 30.0| 1.1%

LN thuần
Q3/25
148
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 21.0| 16.7%
YoY: ▲ 5.00| 3.6%

LN sau thuế
Q3/25
124
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.0| 18.6%
YoY: ▲ 3.00| 2.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
5.5%
YoY: +/-▲ 1.1%

ROE (TTM)
Q3/25
17.8%
YoY: +/-▼ 0.9%

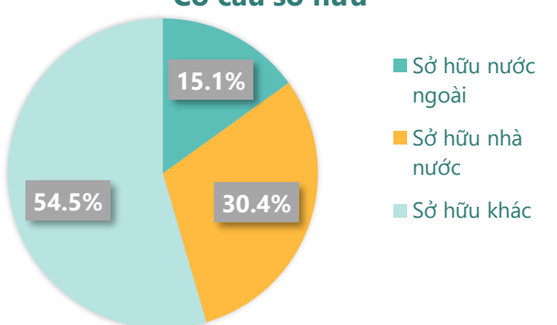
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	32,408 - 48,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,932
Số lượng CPLH (CP)	44,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,195
Sở hữu nước ngoài	15.1%
Beta	1.63
EPS	9,184
P/E	4.8

DT thuần
9T 2025
7,897
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 273| 3.6%

LN thuần
9T 2025
386
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 75.0| 24.3%

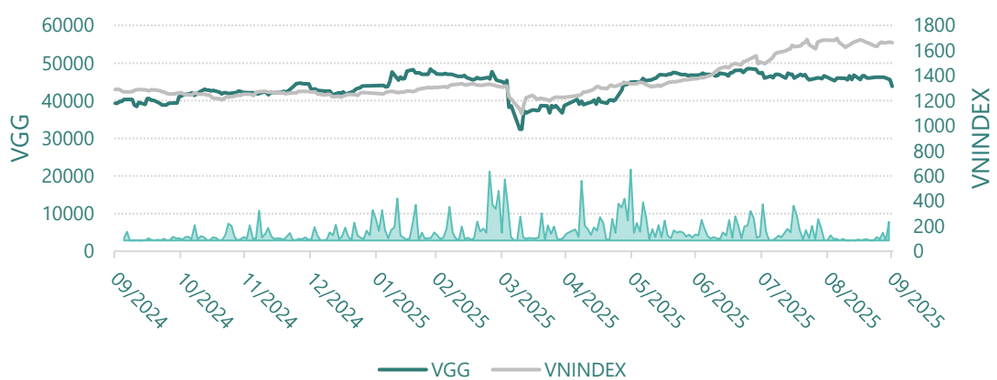
LN sau thuế
9T 2025
325
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 64.0| 24.2%

Cơ cấu sở hữu

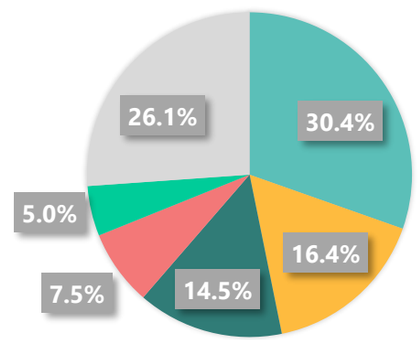


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

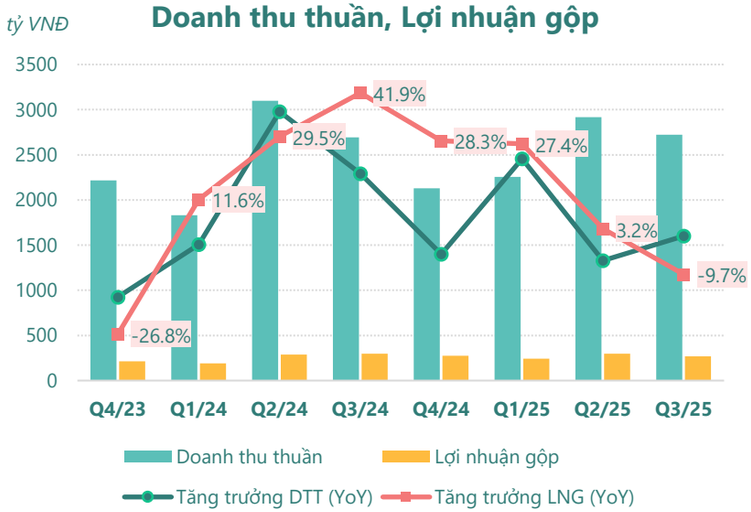


- Tập đoàn Dệt may Việt Nam
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Xuân Hồng
- South Island Garment SDN.BHD
- CTCP Tân Thuận Tiến
- Tung Shing Sewing Machine Co.,Ltd
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

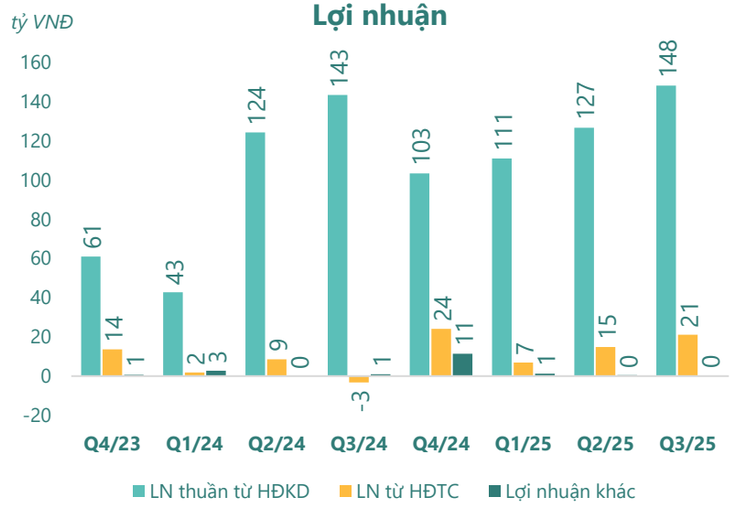
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



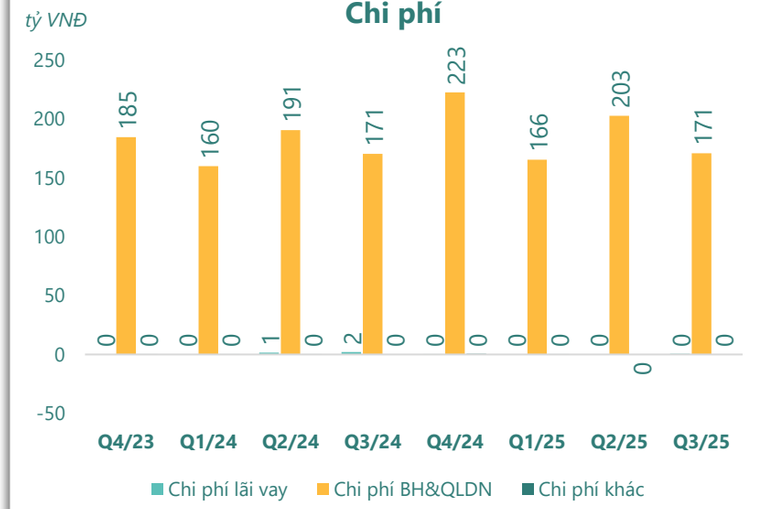
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



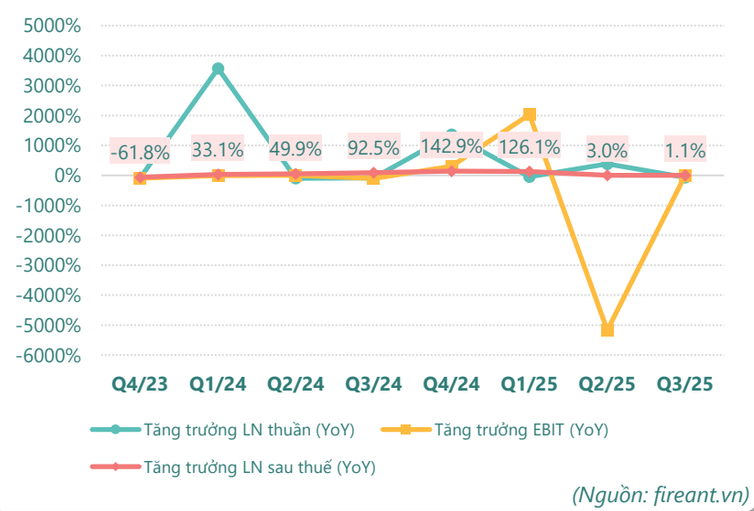
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



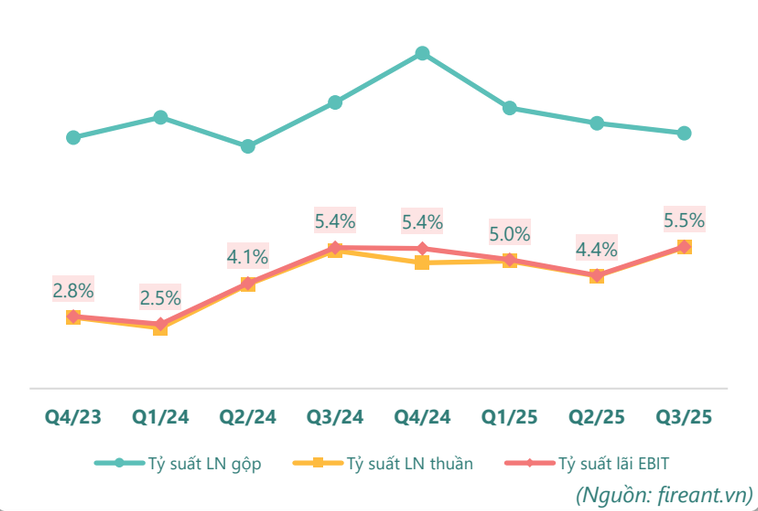
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



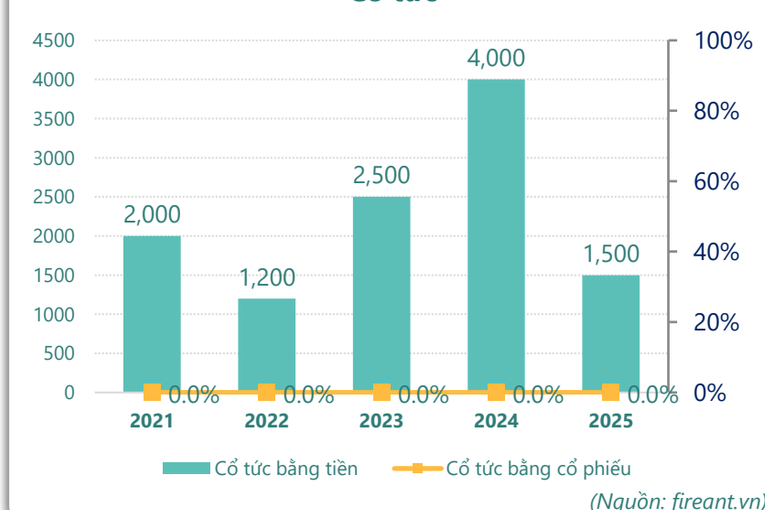
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

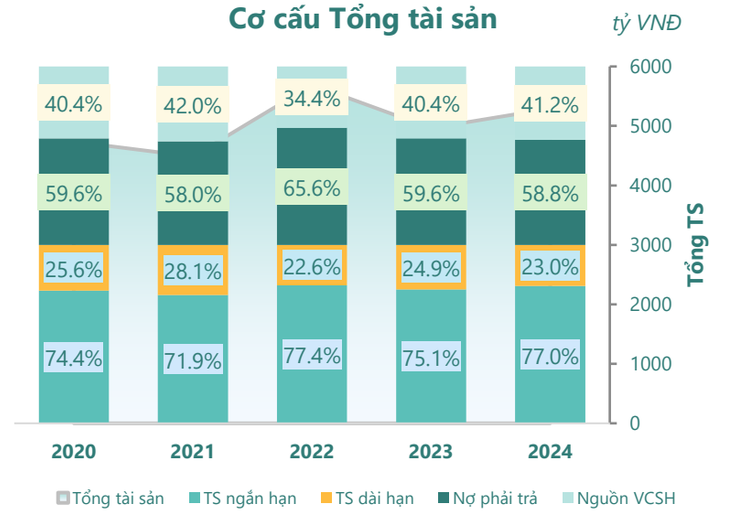
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

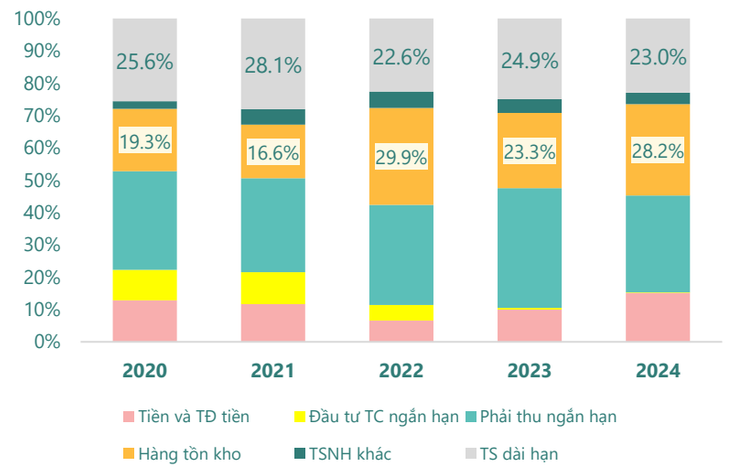
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



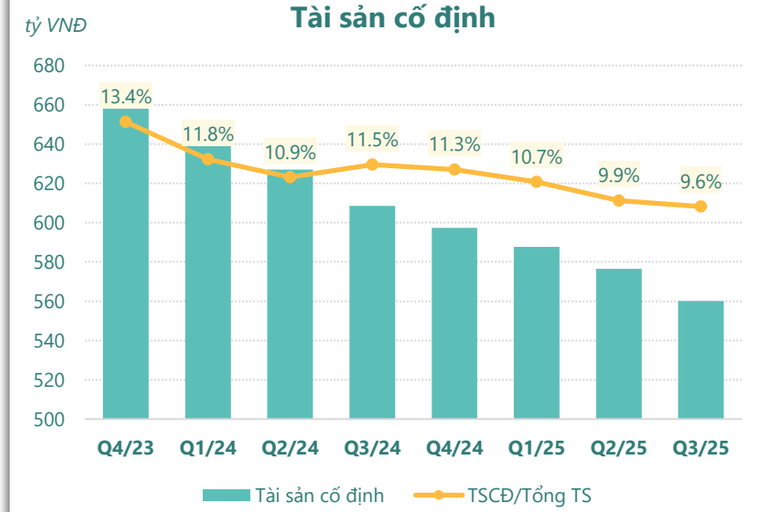
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



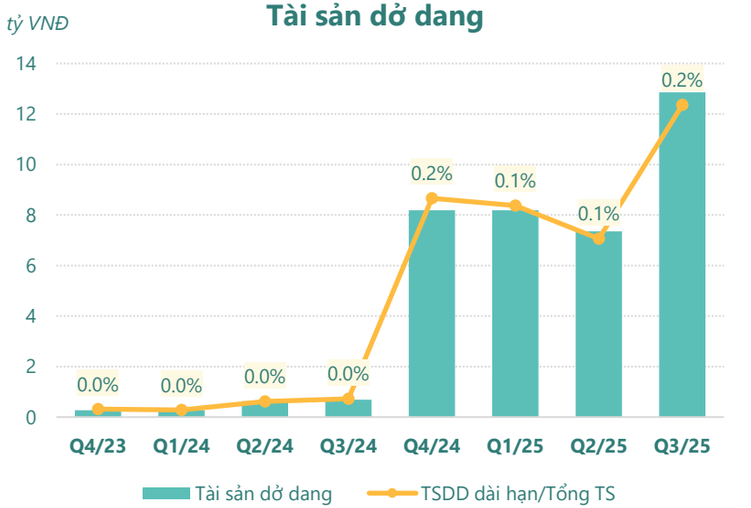
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



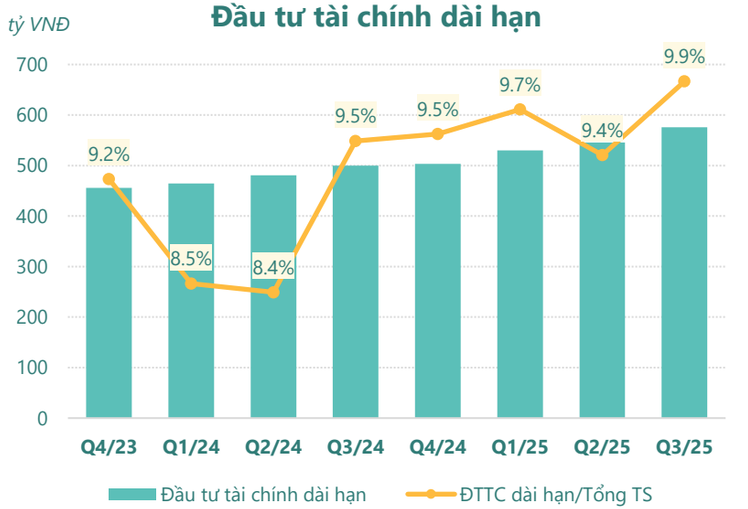
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



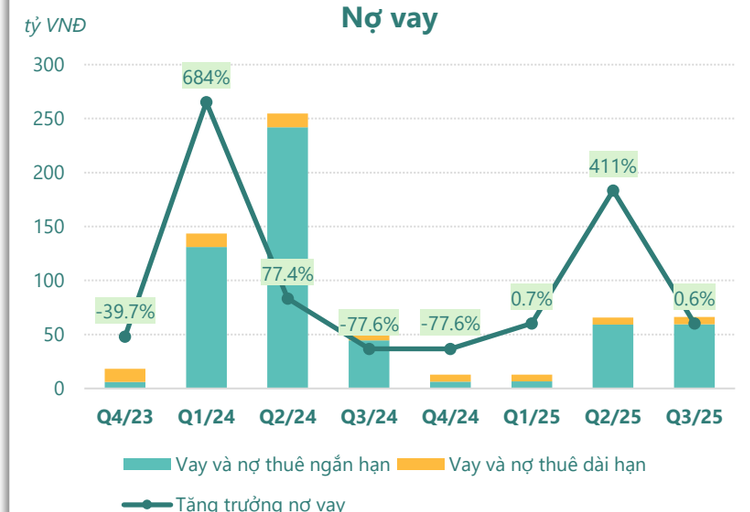
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

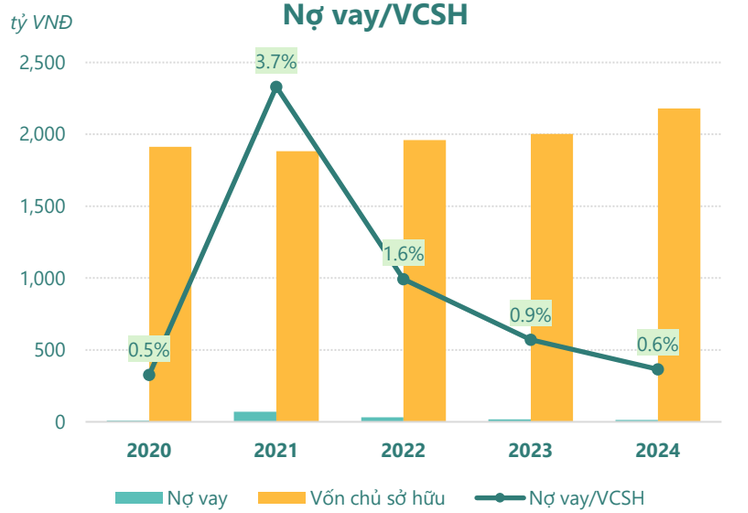
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

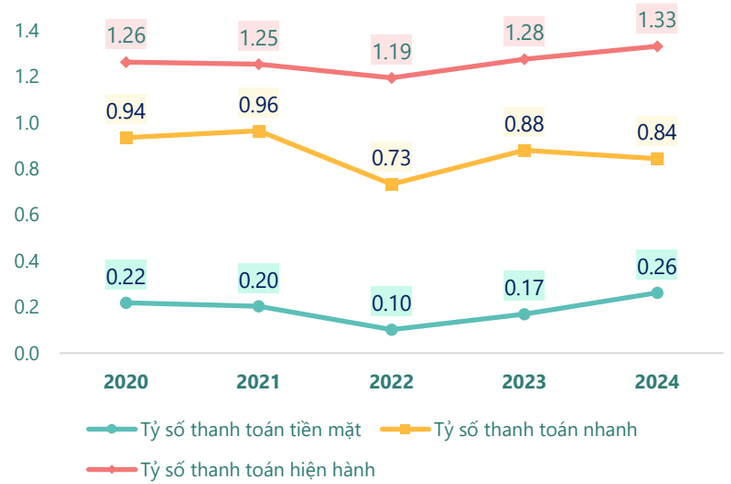
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



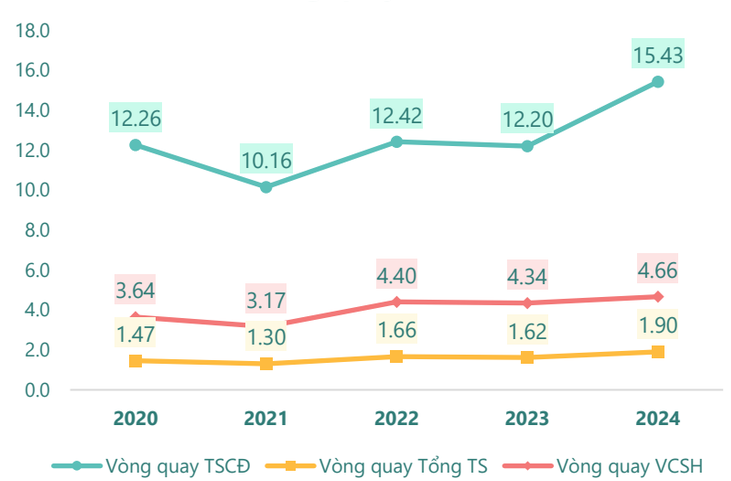
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



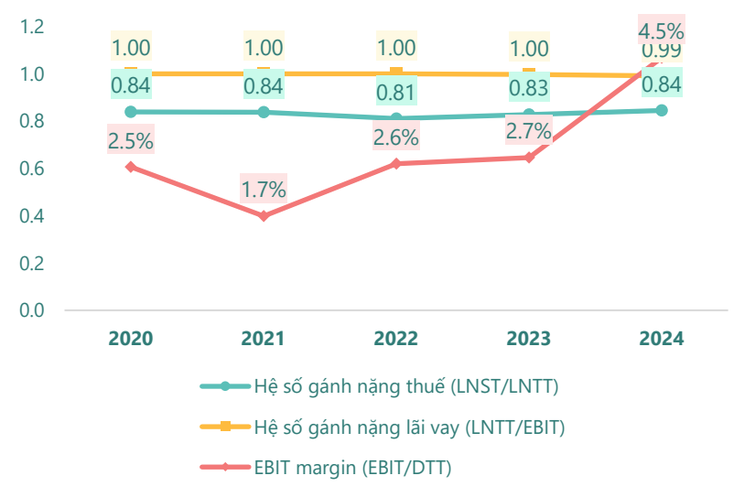
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



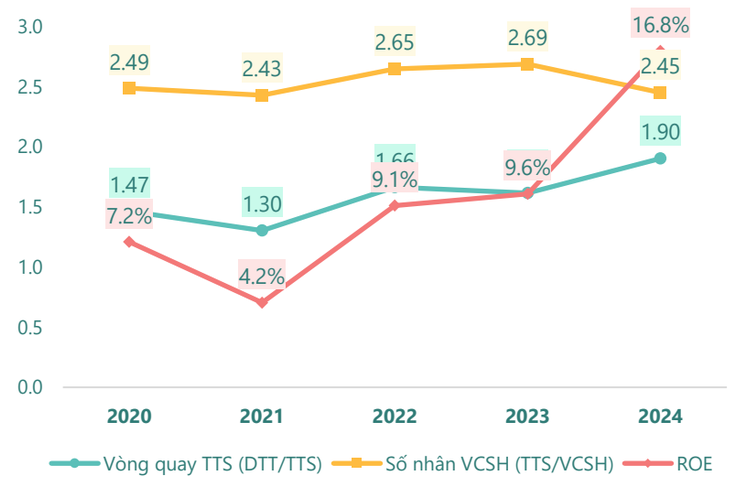
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



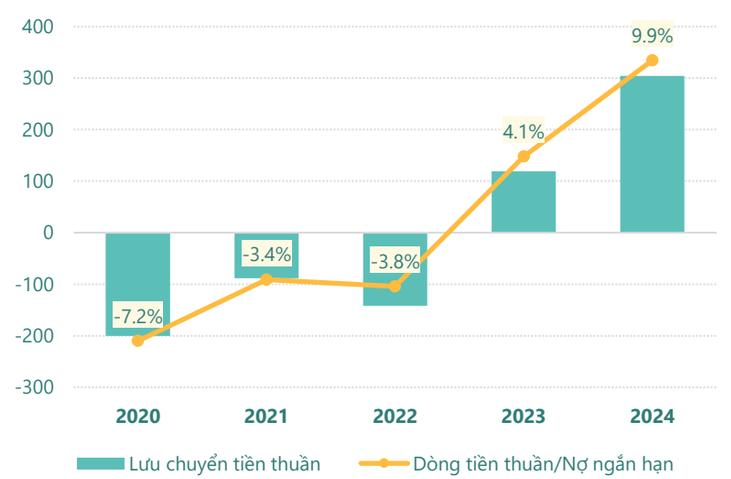
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,722**	**2,692**	**1.1%**	**7,897**	**7,624**	**3.6%**
Giá vốn hàng bán	2,454	2,395	2.5%	7,085	6,845	3.5%
Lợi nhuận gộp	268	297	-9.7%	811	778	4.2%
Doanh thu HĐTC	38.2	9.32	310%	106	84.8	25.4%
Chi phí TC	17.1	12.5	36.7%	63.4	77.6	-18.3%
Chi phí lãi vay	0.48	2.01	-76.3%	0.48	3.51	-86.4%
LN trong công ty LKLD	**29.9**	**19.9**	**50.0%**	**71.5**	**46.3**	**54.4%**
Chi phí bán hàng	110	106	3.6%	341	328	3.9%
Chi phí QLDN	**61.3**	**64.7**	**-5.2%**	**199**	**193**	**2.9%**
LN thuần từ HĐKD	148	143	3.6%	386	311	24.3%
Lợi nhuận khác	**0.35**	**0.97**	**-64.3%**	**1.99**	**3.74**	**-46.8%**
LN trước thuế	149	144	3.1%	388	314	23.5%
Lợi nhuận sau thuế	**124**	**121**	**2.9%**	**325**	**261**	**24.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**119**	**117**	**1.7%**	**311**	**255**	**21.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-262	489	139	188	-257	224
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-76.7	227	22.2	-212	-31.7	-39.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.48	-197	-111	0	-13.2	0.37
Tiền đầu kỳ	461	123	637	802	780	477
Lưu chuyển tiền thuần	**-338**	**519**	**50.5**	**-24.6**	**-302**	**185**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.89	-4.81	3.71	2.05	-0.32	-0.97
Tiền cuối kỳ	123	637	691	780	477	662

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,824**	**5,292**	**10.1%**
Tài sản ngắn hạn	4,567	4,077	12.0%
Tiền và tương đương tiền	662	802	-17.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	282	9.56	2854%
Phải thu ngắn hạn	1,772	1,583	12.0%
Hàng tồn kho	1,544	1,495	3.3%
Tài sản ngắn hạn khác	306	188	62.9%
Tài sản dài hạn	**1,258**	**1,215**	**3.5%**
Phải thu dài hạn	78.8	72.8	8.2%
Tài sản cố định	560	597	-6.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	12.9	8.19	57.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	575	504	14.1%
Tài sản dài hạn khác	**30.5**	**32.1**	**-4.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,436	3,113	10.4%
Nợ ngắn hạn	**3,386**	**3,062**	**10.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	59.5	6.39	832%
Phải trả người bán ngắn hạn	2,045	1,860	10.0%
Nợ dài hạn	50.5	50.2	0.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	6.61	6.39	3.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,388**	**2,179**	**9.6%**
Vốn chủ sở hữu	**2,388**	**2,179**	**9.6%**
Vốn điều lệ	441	441	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)